TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 98/2017/HNGĐ-ST Ngày: 16 - 8 - 2017. V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng.

- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXX - ST ngày 28/7/2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn B – Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Chị Phạm Thị Tố U – Sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh B, vắng mặt chị U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 20/6/2017 cũng như lời khai anh Đoàn Văn B tại phiên tòa thể hiện: Anh kết hôn với chị Phạm Thị Tố U vào tháng 3/2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được gia đình động viên khuyên giải nhưng

tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến đầu tháng 6/2017 thì chị U bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng anh ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị U không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Tố U.

Về con chung anh Đoàn Văn B trình bày: Giữa anh và chị U không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng anh B khai vợ chồng anh không có tài sản chung, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí anh B đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay chị Phạm Thị Tố U không có mặt (Chị U có đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt). Lời khai của chị U tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Chị kết hôn với anh B vào tháng 3/2017 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, đến đầu tháng 6/2017 thì chị U bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh B xin ly hôn chị thì chị nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung chị U xác định vợ chồng không có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung chị U xác định vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn B có đơn xin ly hôn, chị Phạm Thị Tố U nhất trí ly hôn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đoàn Văn B và chị Phạm Thị Tố U không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đoàn Văn B và chị Phạm Thị Tố U đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên anh B phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cuộc hôn nhân giữa anh Đoàn Văn B và chị Phạm Thị Tố U vào tháng 3 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không thành, vợ chồng ly thân nhau từ đầu tháng 6/2017. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, chị U cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh B và chị U là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Đoàn Văn B và chị Phạm Thị Tố U không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đoàn Văn B và chị Phạm Thị Tố U đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Đoàn Văn B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đoàn Văn B và chị Phạm Thị Tố U.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm anh Đoàn Văn B phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí tòa án số: BB/2012/06070 ngày 03/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.